

Bản án số: **07/2021/HNGĐ-ST**
Ngày : 20-5-2021
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Hùng và ông Nguyễn Văn Cừ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 38/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06/5/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Diễm M**, sinh năm 1990. Có mặt.

Trú tại: Khu phố Đ1, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên. Hiện ở: Thôn T, xã Đ2, huyện S1, tỉnh Phú Yên.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Tự Đ**, sinh năm 1986.

Trú tại: Khu phố Đ1, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 24/3/2021 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Nguyễn Thị Diễm M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Tự Đ tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn từ ngày 10/01/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Đ2, huyện S1, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống tại khu phố T, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên. Thời gian đầu chúng tôi chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là do ông Đ chơi số đề, cá độ bóng đá dẫn đến nợ nần, hơn thế nữa ông Đ còn quan hệ tình cảm với người khác. Nay tình cảm của tôi và ông Đ không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi đã làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung: Nguyễn Gia Thế V, sinh ngày 21/8/2017 và Nguyễn Gia Trác N, sinh ngày 05/5/2019. Sau khi ly hôn sẽ do tôi trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai đề ngày 06/4/2021 và ngày 06/5/2021, bị đơn Nguyễn Tự Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Sau khi ly hôn bà M là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Gia Thế V, sinh ngày 21/8/2017 và Nguyễn Gia Trác N, sinh ngày 05/5/2019. Tôi không cấp dưỡng nuôi con chung. (Nếu sau này bà M không đủ điều kiện nuôi con tôi sẽ làm đơn khởi kiện tranh chấp việc nuôi con).

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và không có yêu cầu phản tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:*

- *Về quan hệ tranh chấp:* Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Đức Bình Tây, huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên cấp ngày 10/01/2017 xác định quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn Nguyễn Thị Diễm M và bị đơn Nguyễn Tự Đ là hợp pháp. Nguyên đơn Nguyễn Thị Diễm M khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn Nguyễn Tự Đ, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình “Tranh chấp ly hôn”.

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn cư trú tại khu phố Đông Hòa, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện S theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về phạm vi khởi kiện của nguyên đơn:* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 24/3/2021, nguyên đơn Nguyễn Thị Diễm M yêu cầu bị đơn Nguyễn Tự Đ cấp dưỡng nuôi con chung “2 triệu/tháng/con”; tuy nhiên, quá trình hòa giải tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn M không yêu cầu bị đơn Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện. Căn cứ khoản 1 Điều 244 Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn.

[3] *Về sự vắng mặt của bị đơn:* Xét thấy, bị đơn Nguyễn Tự Đ có đơn xin xét xử vắng mặt và không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn Nguyễn Tự Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về nội dung vụ án:*

[4.1] *Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:* Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: “Thời gian đầu chúng tôi chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là do ông Đ chơi số đề, cá độ bóng đá dẫn đến nợ nần, hơn thế nữa ông Đ còn quan hệ tình cảm với người khác”. Tại đơn xác nhận tình trạng hôn nhân đề ngày 13/5/2021 do nguyên đơn cung cấp có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn C thể hiện tình cảm giữa nguyên đơn và bị đơn “không còn nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”.

[4.2] *Về phần trình bày của bị đơn:* Tại bản khai đề ngày 06/5/2021, bị đơn trình bày “Tôi không đồng ý ly hôn” tuy nhiên bị đơn không đưa ra lý do hay căn cứ gì để xác định tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn. Mặt khác bị đơn còn trình bày “sau khi giải quyết ly hôn đơn phương, bà Nguyễn Thị Diễm M nhận nuôi hai con...”. Như vậy, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn M và bị đơn Đ đã đến mức trầm trọng. Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn nhưng bị đơn không nín kéo và xin Tòa án xét xử vắng mặt.

Từ các tài liệu, chứng cứ trên, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hôn nhân của nguyên đơn M và bị đơn Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[5] *Về con chung:*

Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung: Nguyễn Gia Thế V, sinh ngày 21/8/2017 và Nguyễn Gia Trác N, sinh ngày 05/5/2019. Nguyên vọng của nguyên đơn sẽ do nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung. Bị đơn cũng thống nhất giao 02 con chung cho nguyên đơn “sau khi giải quyết ly hôn đơn phương, bà Nguyễn Thị Diễm M nhận nuôi hai con, tôi không trợ cấp các khoản chi phí cho hai con...”

Xét hai con chung còn nhỏ nên việc giao 02 con chung V và N cho nguyên đơn M là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là hoàn toàn phù hợp nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận.

Về cấp dưỡng và thăm nom, chăm sóc con chung: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bị đơn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] *Về tài sản chung, nợ chung:* Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự, buộc nguyên đơn Nguyễn Thị Diễm M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Diễm M. Nguyên đơn Nguyễn Thị Diễm M được ly hôn với bị đơn Nguyễn Tự Đ.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Gia Thê V, sinh ngày 21/8/2017 và Nguyễn Gia Trác N, sinh ngày 05/5/2019 cho nguyên đơn Nguyễn Thị Diễm M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Tự Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Buộc nguyên đơn Nguyễn Thị Diễm M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, đã nộp đủ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002503 ngày 06/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Phú Yên.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- UBND xã Đ2;
- VKSND huyện S (02);
- THADS huyện S;
- Các đương sự (02);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nam Trung

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA